



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản, khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai

1. Thực hiện bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng các công trình trên địa bàn tỉnh phải được lập thành kế hoạch, phương án; phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo thuận lợi cho công tác khắc phục hậu quả thiên tai và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 3. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác

1. Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình trong khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên khác. Chuẩn bị sẵn sàng các biện pháp phòng, chống các sự cố do thiên tai gây ra theo phương châm 4 tại chỗ để chủ động ứng phó kịp thời; đồng thời bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác khoáng sản; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố do thiên tai hoặc mất an toàn vì nguyên nhân chủ quan gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

2. Xây dựng phương án bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị phục vụ quản lý, vận hành và khai thác; duy tu, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước nội bộ khu vực khai thác, tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì hoạt động bình thường của các phương tiện, trang thiết bị, nguồn điện dự phòng để chủ động trong các tình huống bất khả kháng do thiên tai gây ra.

3. Kiểm tra các điều kiện khai thác, bảo đảm an toàn theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt. Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các khu vực khai thác, bãi thải, hồ lắng, hồ chứa chất thải; đánh giá mức độ an toàn của bờ bao, hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải.

4. Khai thác theo đúng hồ sơ cấp phép, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước (nhất là khu vực đáy mỏ khai thác) nhằm bảo đảm an toàn.

5. Bố trí rào, chắn xung quanh khu vực khai thác (đặc biệt là các khu vực trong quá trình khai thác tạo thành hồ sâu chứa nước), phía trên các bờ mỏ hiện hữu, cấm biển cảnh báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực khai thác nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản. Tổ chức kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, sạt lở, trượt lở đất, đá phải dừng ngay hoạt động khai thác, chẻ biển, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

Điều 4. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu đô thị, điểm dân cư nông thôn

1. Thông báo và yêu cầu, khuyến cáo người dân, chủ sở hữu công trình kiểm tra, thực hiện các biện pháp chằng chống, gia cố bảo đảm an toàn công trình, nhà ở trước mùa mưa, lũ.

2. Xây dựng phương án bảo đảm tiêu thoát nước đô thị, chống ngập úng; tổ chức rà soát, kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm bảo đảm việc chống ngập úng khi có mưa, lũ.

3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch cắt tỉa cây xanh hàng năm bảo đảm an toàn cho người dân trong mùa mưa lũ; bảo đảm an toàn điện, cung cấp nước sạch cho người dân tại các vùng bị ngập úng, khô hạn thiếu nước.

4. Rà soát các khu vực dân cư có nguy cơ ảnh hưởng thiên tai, chuẩn bị địa điểm an toàn, phương tiện và lực lượng xung kích để sẵn sàng phương án sơ tán, di dời, bảo đảm an toàn cho người dân và tài sản khi có thiên tai.

5. Đối với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, cần có phương án cảnh báo đến từng thôn, bản, phù hợp với điều kiện thông tin liên lạc; xây dựng phương án bảo vệ, sơ tán người dân tại khu vực ven sông, suối, chân taluy, sườn dốc và vùng có nguy cơ sạt lở, trong đó ưu tiên người già, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương.

Điều 5. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu du lịch, điểm du lịch, di tích lịch sử

1. Thiết lập đầu mối tiếp nhận và thông báo kịp thời cho khách du lịch, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan; kịp thời dừng hoặc hạn chế các hoạt động tham quan, leo núi, đi bộ đường dài, chèo thuyền, cắm trại, hoạt động dù lượn, trải nghiệm ngoài trời khi có cảnh báo mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, đông lốc hoặc thiên tai khác.

2. Kiểm tra, rà soát thực trạng cơ sở vật chất và thực hiện các biện pháp gia cố, chằng chống bảo đảm an toàn công trình, cơ sở hạ tầng, cắt tỉa cây xanh trong khuôn viên; chủ động bố trí nhân lực, phương tiện, chuẩn bị trang thiết

bị, nhu yếu phẩm cần thiết để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người lao động và du khách.

Kiểm tra định kỳ các tuyến đường nội bộ, taluy, mái dốc, cầu treo, cầu tạm, bến thuyền, khu vực ngắm cảnh, điểm tham quan, chụp ảnh (*check-in*); kịp thời gia cố hoặc tạm dừng khai thác khi không bảo đảm an toàn.

Bố trí đầy đủ biển cảnh báo nguy hiểm bằng tiếng Việt và khuyến khích bổ sung cảnh báo bằng tiếng Anh tại khu vực có nguy cơ sạt lở, đá rơi, nước sâu, vực sâu, dòng chảy xiết hoặc khu vực cấm.

Xây dựng phương án phân luồng, kiểm soát số lượng khách tại các điểm du lịch khi xảy ra thiên tai hoặc mưa lớn.

Kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hệ thống thoát nước của các cơ sở lưu trú du lịch trong mùa mưa.

3. Đối với các điểm du lịch, khu du lịch, khu di tích lịch sử tại các vùng trũng thấp, ven sông, suối phải xây dựng phương án sơ tán, cứu nạn, cứu hộ đối với khách du lịch, người lao động; xác định địa điểm tập kết an toàn, tuyến đường sơ tán, lực lượng hướng dẫn, phương tiện vận chuyển và phương án hỗ trợ khách du lịch, người lao động khi xảy ra thiên tai.

4. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý khu, điểm du lịch phải xây dựng phương án phòng, chống thiên tai hằng năm; tổ chức diễn tập hoặc hướng dẫn kỹ năng ứng phó thiên tai cho người lao động và lực lượng trực tiếp phục vụ khách.

Đối với các hoạt động du lịch mạo hiểm, leo núi, đi bộ đường dài, chèo thuyền, đạp xe địa hình, khám phá hang động, hoạt động dù lượn phải xây dựng phương án bảo đảm an toàn riêng; chỉ tổ chức khi điều kiện thời tiết bảo đảm và có phương án cứu hộ.

Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp giữa khu, điểm du lịch với chính quyền địa phương, lực lượng công an, quân sự, y tế và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã, để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh.

Các khu du lịch, điểm du lịch, di tích lịch sử được hoạt động trở lại sau khi đã kiểm tra, đánh giá các điều kiện an toàn đối với công trình, tuyến tham quan và các hạng mục liên quan.

Điều 6. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng khu, cụm công nghiệp

1. Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn công trình, hạng mục công trình trong khu, cụm công nghiệp để chủ động ứng phó phù hợp.

2. Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai nhằm bảo đảm an toàn cho người lao động, công trình, hạng mục công trình, duy trì hoạt động của khu, cụm công nghiệp khi có các tình huống thiên tai xảy ra.

3. Trước mùa mưa lũ, thiên tai hằng năm, rà soát và thực hiện các biện pháp gia cố, chằng chống bảo đảm an toàn (đặc biệt hệ thống mái tôn, vách tôn, trần nhựa, cửa kính, thiết bị máy móc), tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không bảo

đảm an toàn khi có thiên tai. Kiểm tra các thiết bị điện, đèn chiếu sáng, biển báo và hạ tầng kỹ thuật khác để bảo đảm an toàn trong mùa mưa, lũ, thiên tai.

Điều 7. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; công trình giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác

1. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình phòng, chống thiên tai (công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, suối; công trình đập, hồ chứa nước thủy lợi; công trình chống úng, chống hạn) thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 23 Thông tư số 10/2026/TT-BNNMT.

2. Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác: thực hiện theo các quy định về phòng, chống thiên tai chuyên ngành, các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình theo quy định của pháp luật và các nội dung cụ thể như sau:

a) Xây dựng phương án bảo đảm an toàn đối với công trình đang thi công, xây dựng; lập và thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình và các công trình lân cận, đặc biệt công tác bảo đảm an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và các thiết bị làm việc trên cao trong mùa mưa lũ.

b) Đo đạc, quan trắc, theo dõi, giám sát an toàn công trình, khu vực chịu tác động khi vận hành công trình và thiên tai ảnh hưởng đến an toàn công trình.

c) Kiểm tra, đánh giá thường xuyên hiện trạng an toàn công trình, hạng mục công trình; chủ động thực hiện biện pháp phòng, chống, xử lý các hư hỏng để bảo đảm an toàn công trình, hạng mục công trình trước thiên tai.

d) Xây dựng, phê duyệt quy trình vận hành công trình đối với công trình phải xây dựng quy trình vận hành.

đ) Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ về quản lý công trình, cơ sở dữ liệu về thiên tai trong quản lý, vận hành và sử dụng công trình.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành và sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử, điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung quy định cụ thể tại Điều 3, 4, 5, 6, 7 của Quyết định này.

b) Khi phát hiện các hoạt động, hành vi và sự cố công trình có thể ảnh hưởng đến an toàn công trình và hoạt động phòng, chống thiên tai phải báo cáo

kịp thời đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời triển khai các biện pháp lập rào chắn, cấm biển báo khu vực thiên tai nguy hiểm, cử người thường xuyên theo dõi diễn biến và triển khai biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.

c) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát, xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình.

d) Thực hiện chế độ báo cáo việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình, mức độ ổn định công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định, gửi về Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý và đơn vị sở, ban, ngành cấp tỉnh theo lĩnh vực quản lý trước ngày 15 tháng 4 hằng năm, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các địa phương, các sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng, mức độ an toàn phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình, hạng mục công trình cơ sở hạ tầng theo thẩm quyền.

c) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường các khu vực trọng điểm xung yếu và phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu đối với công trình phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức, kỹ năng chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; thực hiện nghiêm các quy định an toàn tại hộ gia đình và cộng đồng dân cư.

b) Thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai; giám sát việc quản lý, sử dụng các nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai tại Điều 3, 4, 5, 6, 7 của Quyết định này. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết sự cố công trình do thiên tai gây ra thuộc phạm vi quản lý.

b) Hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn cho Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã), các tổ chức và cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai.

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai theo quy định.

đ) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 4) hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn.

b) Hướng dẫn các thôn, bản, tổ dân phố, các tổ chức và cá nhân sử dụng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai.

c) Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai đối với công trình thuộc phạm vi quản lý.

d) Tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp, duy tu, sửa chữa các công trình thực hiện nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai theo quy định.

đ) Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn. Xử lý các tình huống, hoạt động làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai, sự cố, nguy cơ xảy ra sự cố và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Chủ động phối hợp với lực lượng Quân đội, Công an, các đơn vị quản lý công trình và các cơ quan chuyên môn trong việc trao đổi thông tin, kiểm tra hiện trường, tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai đối với các khu vực, công trình có nguy cơ cao.

f) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp chung kết quả thực hiện các nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn.

g) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng năm các điểm xung yếu, trọng điểm và phương án bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hằng năm.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường; các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần bổ sung, sửa đổi để phù hợp với các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời thông tin về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Ban chỉ đạo PTDS Quốc gia;
 - Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Như khoản 2 Điều 9;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Trung tâm TT-HN tỉnh;
 - Báo và PTTH Điện Biên;
 - Lưu: VT, KT, NC, TH.
- (b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Văn Cương